

Số: 54/2025/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2025

THÔNG TƯ
Quy định về hồ sơ, trình tự cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của
tổ chức tài chính vi mô

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 162/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về hồ sơ, trình tự cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về:

- Hồ sơ, trình tự cấp Giấy phép.
- Nguyên tắc, hồ sơ, trình tự cấp đổi Giấy phép; trình tự cấp bản sao Giấy phép từ sổ gốc.
- Thông báo thông tin về cấp, cấp đổi Giấy phép và các thông tin liên quan cho cơ quan đăng ký kinh doanh.
- Tên, trụ sở chính.

5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự.
6. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát.
7. Hồ sơ, trình tự chấp thuận danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).
8. Vốn điều lệ, tỷ lệ sở hữu phần vốn góp.
9. Điều kiện nhận chuyển nhượng phần vốn góp.
10. Nội dung, thời hạn, địa bàn hoạt động.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức tài chính vi mô.
2. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến các nội dung quy định tại Điều 1 Thông tư này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Giấy phép là Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) cấp. Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Văn bản của Ngân hàng Nhà nước về sửa đổi, bổ sung Giấy phép là một bộ phận không tách rời của Giấy phép.

2. Cuộc họp thành viên sáng lập là cuộc họp của các thành viên sáng lập, có nhiệm vụ:

a) Thông qua dự thảo Điều lệ của tổ chức tài chính vi mô, Đề án thành lập tổ chức tài chính vi mô và danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) nhiệm kỳ đầu tiên;

b) Bầu Ban trụ bị, Trưởng ban trụ bị từ những thành viên tham gia góp vốn là những người trong danh sách dự kiến được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) nhiệm kỳ đầu tiên và một số thành viên khác để triển khai các công việc liên quan đến chấp thuận nguyên tắc thành lập tổ chức tài chính vi mô;

c) Quyết định các vấn đề khác liên quan đến việc thành lập tổ chức tài chính vi mô.

3. Cuộc họp thành viên góp vốn đầu tiên là cuộc họp của các thành viên sáng lập và các thành viên góp vốn khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc việc thành lập, có nhiệm vụ:

- a) Thông qua Điều lệ của tổ chức tài chính vi mô;
- b) Bầu, bổ nhiệm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) nhiệm kỳ đầu tiên theo danh sách đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận;
- c) Thông qua các quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô;
- d) Quyết định các vấn đề khác liên quan đến việc thành lập tổ chức tài chính vi mô.

4. Khách hàng tài chính vi mô bao gồm các đối tượng sau:

a) Hộ nghèo, hộ cận nghèo, cá nhân thuộc hộ nghèo, cá nhân thuộc hộ cận nghèo theo quy định của pháp luật;

b) Cá nhân có thu nhập thấp, bao gồm:

(i) Công chức; viên chức; người được tuyển dụng vào vị trí việc làm trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng, trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân là sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ theo chế độ chuyên nghiệp, công nhân công an; người lao động làm việc theo hợp đồng lao động ở khu vực đô thị có mức thu nhập bình quân trong 12 tháng gần nhất trước thời điểm đề nghị vay vốn tối đa 09 triệu đồng/tháng;

(ii) Công chức; viên chức; người được tuyển dụng vào vị trí việc làm trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng, trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân là sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ theo chế độ chuyên nghiệp, công nhân công an; người lao động làm việc theo hợp đồng lao động ở khu vực nông thôn có mức thu nhập bình quân trong 12 tháng gần nhất trước thời điểm đề nghị vay vốn tối đa 07 triệu đồng/tháng;

(iii) Người lao động khác không thuộc trường hợp quy định tại điểm b(i), b(ii) khoản này có mức thu nhập tương ứng mức thu nhập bình quân của đối tượng khách hàng quy định tại điểm b(i) và b(ii) khoản này;

c) Hộ gia đình có thu nhập thấp là hộ gia đình có mức thu nhập bình quân trong 12 tháng gần nhất trước thời điểm đề nghị vay vốn của các cá nhân thuộc hộ tương ứng mức thu nhập bình quân của cá nhân có thu nhập thấp theo từng khu vực quy định tại điểm b(i) và b(ii) khoản này;

d) Doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định của pháp luật.

5. Tiết kiệm bắt buộc là số tiền mà khách hàng tài chính vi mô phải gửi theo quy định của tổ chức tài chính vi mô. Tổ chức tài chính vi mô chỉ được nhận tiết kiệm bắt buộc đối với khách hàng đang có dư nợ cho vay tại tổ chức tài chính vi mô, thời hạn nhận tiền gửi bắt buộc không được vượt quá thời hạn còn lại của

khoản vay. Tổ chức tài chính vi mô có trách nhiệm quy định và phải công bố công khai mức tiền gửi tiết kiệm bắt buộc và mức lãi suất tiết kiệm bắt buộc.

6. Tiền gửi tự nguyện là tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm (không bao gồm tiết kiệm bắt buộc), trừ tiền gửi nhằm mục đích thanh toán của khách hàng tài chính vi mô, tổ chức, cá nhân khác tại tổ chức tài chính vi mô.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định cấp, cấp đổi Giấy phép, cấp bản sao Giấy phép từ sổ gốc, chấp thuận danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tài chính vi mô

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định cấp, cấp đổi Giấy phép đối với tổ chức tài chính vi mô.

2. Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng quyết định cấp bản sao Giấy phép từ sổ gốc đối với tổ chức tài chính vi mô; xem xét, chấp thuận danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tài chính vi mô.

Điều 5. Lệ phí cấp, cấp đổi Giấy phép

1. Tổ chức tài chính vi mô được cấp, cấp đổi Giấy phép phải nộp lệ phí cấp, cấp đổi Giấy phép tại Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) hoặc thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được cấp, cấp đổi Giấy phép.

2. Mức lệ phí cấp, cấp đổi Giấy phép theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

Điều 6. Nguyên tắc lập, gửi, tiếp nhận hồ sơ và trả hồ sơ

1. Hồ sơ phải được lập bằng tiếng Việt, trong đó bản sao giấy tờ, văn bản, bản dịch tài liệu từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp giấy tờ trong hồ sơ là bản sao mà không phải là bản sao được chứng thực, bản sao được cấp từ sổ gốc thì khi nộp hồ sơ phải xuất trình bản chính để đối chiếu. Người đối chiếu theo quy định của pháp luật phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.

3. Các văn bản tại hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy phép, cấp bản sao Giấy phép từ sổ gốc phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền ký (sau đây gọi là người đại diện hợp pháp). Trường hợp ký theo ủy quyền, hồ sơ phải có văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Trong mỗi bộ Hồ sơ phải có danh mục tài liệu. Hồ sơ được gửi tới Ngân hàng Nhà nước bằng một trong các hình thức sau:

- a) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước;
- b) Gửi qua dịch vụ bưu chính;
- c) Nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Khi gửi hồ sơ trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, hồ sơ điện tử được sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Các tài liệu trong hồ sơ điện tử là bản điện tử quét từ bản gốc, bản chính (tập tin định dạng PDF).

Trường hợp hệ thống Cổng Dịch vụ công quốc gia gặp sự cố hoặc có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử, việc khai, gửi, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước.

5. Việc tiếp nhận hồ sơ được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước và Cổng Dịch vụ công quốc gia và theo quy định tại Thông tư này.

6. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không khai thác được thông tin trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp hoặc thông tin khai thác không đầy đủ, không chính xác, Ngân hàng Nhà nước yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

7. Văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ, văn bản trả lời, văn bản xác nhận, văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước được ban hành dưới dạng bản giấy hoặc văn bản điện tử.

8. Ngân hàng Nhà nước trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính quy định tại Thông tư này thông qua hình thức trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

HỒ SƠ, TRÌNH TỰ CẤP GIẤY PHÉP; NGUYÊN TẮC, HỒ SƠ, TRÌNH TỰ CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP; TRÌNH TỰ CẤP BẢN SAO GIẤY PHÉP TỪ SỔ GỐC; THÔNG BÁO THÔNG TIN VỀ CẤP GIẤY PHÉP, CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP CHO CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Điều 7. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đối với tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc, bao gồm:

- a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo

Thông tư này;

b) Dự thảo Điều lệ tổ chức tài chính vi mô;

c) Đề án thành lập tổ chức tài chính vi mô do Trưởng ban trù bị ký, trong đó bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

(i) Sự cần thiết thành lập, mục tiêu hoạt động của tổ chức tài chính vi mô; tác động xã hội dự kiến của tổ chức tài chính vi mô trên địa bàn;

(ii) Tên tổ chức tài chính vi mô, địa bàn dự kiến hoạt động, địa điểm dự kiến đặt trụ sở chính, vốn điều lệ khi thành lập, nội dung hoạt động;

(iii) Các sản phẩm và dịch vụ dự kiến sẽ cung cấp cho khách hàng;

(iv) Cơ cấu tổ chức;

(v) Danh sách nhân sự dự kiến trong đó mô tả chi tiết trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác đáp ứng được các yêu cầu của từng vị trí, chức danh, cụ thể: Thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng ban các Ủy ban thuộc Hội đồng thành viên; Thành viên Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc), các Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng và người đứng đầu các đơn vị trực thuộc trong cơ cấu tổ chức;

(vi) Dự kiến đầu tư tài chính cho hệ thống công nghệ thông tin và việc áp dụng công nghệ thông tin;

(vii) Dự kiến hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15 (sau đây gọi tắt là Luật Các tổ chức tín dụng), tối thiểu bao gồm nguyên tắc hoạt động, dự thảo các quy định nội bộ quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Các tổ chức tín dụng, dự thảo Quy chế, quy định về tổ chức, hoạt động của Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc);

(viii) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu, trong đó tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau đây: phân tích thị trường, chiến lược và kế hoạch kinh doanh; các báo cáo tài chính dự kiến của từng năm (bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, chỉ tiêu an toàn vốn tối thiểu, các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động và thuyết minh khả năng thực hiện các chỉ tiêu tài chính trong từng năm);

d) Hồ sơ của những người dự kiến bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô, bao gồm:

(i) Sơ yếu lý lịch theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

(ii) Phiếu lý lịch tư pháp của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm, trong đó phải đầy đủ thông tin về án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được

xóa) và thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

Đối với nhân sự không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa và thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của nước mà người nước ngoài cư trú trước khi đến Việt Nam cấp. Trường hợp người nước ngoài hiện cư trú tại Việt Nam từ đủ 06 tháng trở lên, Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp lý lịch tư pháp tại nơi người nước ngoài đang tạm trú.

Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm tổ chức tài chính vi mô nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự tối đa 06 tháng.

Nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm có thể xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật;

(iii) Bảng kê khai người có liên quan với nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

(iv) Bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam;

(v) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn, nghiệp vụ;

(vi) Các tài liệu khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 15, 16, 17 Thông tư này;

(vii) Trường hợp người dự kiến được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô không có quốc tịch Việt Nam, ngoài các văn bản nêu trên phải có văn bản cam kết đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được cư trú và làm việc tại Việt Nam;

đ) Điều lệ của chủ sở hữu;

e) Văn bản của chủ sở hữu cam kết góp vốn cho tổ chức tài chính vi mô đúng tiến độ, mức vốn góp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của nguồn vốn góp;

g) Văn bản của chủ sở hữu cam kết không dùng vốn ủy thác, vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn;

h) Văn bản của chủ sở hữu cam kết hỗ trợ tổ chức tài chính vi mô về tài chính để giải quyết khó khăn trong trường hợp gặp khó khăn về vốn hoặc khả năng thanh khoản;

i) Văn bản của chủ sở hữu cam kết không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở

hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác tại Việt Nam;

k) Văn bản của chủ sở hữu về việc thành lập Ban trù bị, bầu, chỉ định Trưởng ban trù bị, thông qua dự thảo Điều lệ, Đề án thành lập tổ chức tài chính vi mô, danh sách các chức danh quản trị, điều hành, kiểm soát dự kiến.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, bao gồm:

a) Điều lệ của tổ chức tài chính vi mô đã được Hội đồng thành viên thông qua;

b) Quyết định của chủ sở hữu về việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng.

Điều 8. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đối với tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc, bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Các thành phần hồ sơ quy định tại điểm b, c, d khoản 1 Điều 7 Thông tư này;

c) Danh sách thành viên sáng lập do Trưởng ban trù bị ký, trong đó bao gồm các nội dung:

(i) Tên pháp nhân; số Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương; số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch/các quốc tịch (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam) của người đại diện hợp pháp của pháp nhân tham gia góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô và người đại diện vốn góp của pháp nhân đó tại tổ chức tài chính vi mô;

(ii) Mức vốn góp (ghi rõ số vốn bằng đồng Việt Nam và tỷ lệ góp vốn của từng thành viên);

(iii) Phương án góp vốn (nêu rõ phương thức, tiến độ góp vốn);

d) Hồ sơ của thành viên sáng lập, bao gồm:

(i) Văn bản của các thành viên góp vốn (bao gồm thông tin về số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương) cam kết góp vốn cho tổ chức tài chính vi mô đúng tiến độ, mức vốn góp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của nguồn vốn góp;

(ii) Điều lệ của pháp nhân tham gia góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô;

(iii) Văn bản ủy quyền người đại diện phần vốn góp tại tổ chức tài chính vi mô theo quy định của pháp luật;

(iv) Bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam) của người đại diện hợp pháp của pháp nhân tham gia góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô và người đại diện vốn góp của pháp nhân đó tại tổ chức tài chính vi mô;

(v) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập của thành viên góp vốn là doanh nghiệp trong 03 năm liên kế năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(vi) Báo cáo hoạt động của thành viên góp vốn không phải là doanh nghiệp trong 03 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(vii) Báo cáo khả năng tài chính tham gia góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô của doanh nghiệp không phải là ngân hàng theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

(viii) Bảng kê khai thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này;

(ix) Văn bản cam kết không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác tại Việt Nam;

(x) Văn bản cam kết hỗ trợ tổ chức tài chính vi mô về tài chính để giải quyết khó khăn trong trường hợp gặp khó khăn về vốn hoặc khả năng thanh khoản;

(xi) Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện về việc thực hiện nghĩa vụ thuế và bảo hiểm xã hội: Văn bản cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội của tổ chức theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này; Văn bản của cơ quan thuế, cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước, đóng bảo hiểm xã hội của tổ chức;

(xii) Tài liệu chứng minh đã hoặc đang tham gia quản lý hoặc điều hành chương trình, dự án tài chính vi mô hoạt động an toàn, bền vững trong ít nhất 03 năm liên tiếp trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

đ) Biên bản Cuộc họp thành viên sáng lập về việc thành lập Ban trụ bị, Trưởng ban trụ bị, thông qua dự thảo Điều lệ, Đề án thành lập tổ chức tài chính vi mô, danh sách các chức danh quản trị, điều hành, kiểm soát dự kiến.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, bao gồm:

a) Điều lệ của tổ chức tài chính vi mô đã được Hội đồng thành viên thông qua;

b) Biên bản và Nghị quyết cuộc họp thành viên góp vốn đầu tiên về việc

thông qua Điều lệ, bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát;

c) Biên bản họp Hội đồng thành viên thông qua các nội dung về việc bầu Chủ tịch Hội đồng thành viên; Biên bản họp Ban kiểm soát về việc bầu Trưởng Ban kiểm soát;

d) Quyết định của Hội đồng thành viên về việc bổ nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng.

Điều 9. Trình tự cấp Giấy phép

1. Ban trụ bị lập 01 bộ Hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc theo quy định tại khoản 1 Điều 7 hoặc khoản 1 Điều 8 Thông tư này gửi Ngân hàng Nhà nước.

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trụ bị xác nhận đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp Hồ sơ không đầy đủ, chưa hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản xác nhận đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến của:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức tài chính vi mô dự kiến đặt trụ sở chính về việc thành lập tổ chức tài chính vi mô;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thành viên sáng lập có thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô về hiệu quả hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô đối với sự phát triển của địa phương;

c) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tài chính vi mô dự kiến đặt trụ sở chính về việc thành lập tổ chức tài chính vi mô.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ngân hàng Nhà nước, các đơn vị được lấy ý kiến có văn bản tham gia ý kiến.

5. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập tổ chức tài chính vi mô và chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô; trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trụ bị, trong đó nêu rõ lý do.

6. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập tổ chức tài chính vi mô, Ban trụ bị lập Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định tại khoản 2 Điều 7 hoặc khoản 2 Điều 8 Thông tư này gửi Ngân hàng Nhà nước. Quá thời hạn này, Ngân hàng Nhà nước không nhận được hoặc

nhận không đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thì văn bản chấp thuận nguyên tắc không còn giá trị.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước xác nhận bằng văn bản về việc đã nhận đầy đủ hồ sơ.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép; trường hợp không cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.

7. Sau khi được cấp Giấy phép, tổ chức tài chính vi mô tiến hành các thủ tục cần thiết để khai trương hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Nguyên tắc, hồ sơ, trình tự cấp đổi Giấy phép

1. Nguyên tắc cấp đổi Giấy phép:

a) Ngân hàng Nhà nước không thực hiện cấp đổi Giấy phép đối với các nội dung hoạt động mà tổ chức tài chính vi mô không được phép thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm cấp đổi;

b) Ngân hàng Nhà nước điều chỉnh tên nội dung hoạt động được phép thực hiện phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng. Giấy phép được cấp đổi theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này thay thế tất cả các Giấy phép, các văn bản sửa đổi, bổ sung Giấy phép có liên quan mà Ngân hàng Nhà nước đã cấp cho tổ chức tài chính vi mô đó trước thời điểm cấp đổi;

c) Trường hợp tổ chức tài chính vi mô đề nghị bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép đồng thời với cấp đổi Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước sẽ xem xét cấp đổi Giấy phép, trong đó bao gồm nội dung bổ sung theo đề nghị trên cơ sở tổ chức tài chính vi mô đáp ứng đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy phép, bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Hồ sơ đề nghị thay đổi nội dung hoạt động (trường hợp tổ chức tài chính vi mô đề nghị bổ sung nội dung hoạt động đồng thời với cấp đổi Giấy phép):

(i) Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên thông qua việc thay đổi nội dung hoạt động;

(ii) Phương án triển khai nội dung hoạt động đề nghị bổ sung, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung: Mô tả nội dung hoạt động thay đổi, quy trình thực hiện, phân tích hiệu quả và biện pháp phòng ngừa, kiểm soát rủi ro, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch triển khai thực hiện;

(iii) Dự thảo quy định nội bộ về quy trình triển khai nghiệp vụ đảm bảo

quản lý và kiểm soát rủi ro phát sinh.

3. Trình tự đề nghị cấp đổi Giấy phép:

a) Tổ chức tài chính vi mô có nhu cầu cấp đổi Giấy phép lập hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước;

b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ của tổ chức tài chính vi mô, Ngân hàng Nhà nước thực hiện việc cấp đổi Giấy phép (bao gồm cả bổ sung nội dung hoạt động đồng thời với cấp đổi Giấy phép) theo đề nghị cho tổ chức tài chính vi mô. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 11. Hồ sơ, thời hạn cấp bản sao Giấy phép từ sổ gốc

1. Trường hợp Giấy phép bị mất, rách nát, cháy, hư hỏng, tổ chức tài chính vi mô có đơn đề nghị cấp bản sao Giấy phép từ sổ gốc theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này gửi Ngân hàng Nhà nước đề nghị xem xét cấp bản sao Giấy phép từ sổ gốc theo quy định của pháp luật.

2. Thời hạn cấp bản sao Giấy phép từ sổ gốc thực hiện theo quy định của pháp luật về cấp bản sao từ sổ gốc.

Điều 12. Thông báo thông tin về cấp, cấp đổi Giấy phép và các thông tin liên quan cho cơ quan đăng ký kinh doanh

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm thông báo bằng văn bản kèm Giấy phép, thông tin về người đại diện theo pháp luật của tổ chức tài chính vi mô cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi tổ chức tài chính vi mô đặt trụ sở chính để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cấp đổi Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm thông báo bằng văn bản kèm Giấy phép cấp đổi cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi tổ chức tài chính vi mô đặt trụ sở chính để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi thông tin liên quan đến đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật (trừ trường hợp có quy định khác), tổ chức tài chính vi mô có văn bản thông báo gửi Ngân hàng Nhà nước việc thay đổi thông tin liên quan đến đăng ký kinh doanh. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của tổ chức tài chính vi mô, Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm thông báo bằng văn bản việc thay đổi thông tin liên quan đến đăng ký kinh doanh cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi tổ chức tài chính vi mô đặt trụ sở chính để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Mục 2**TÊN, TRỤ SỞ CHÍNH; NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA ỦY BAN QUẢN LÝ RỦI RO VÀ ỦY BAN NHÂN SỰ****Điều 13. Tên, trụ sở chính của tổ chức tài chính vi mô**

1. Tên của tổ chức tài chính vi mô phải đảm bảo phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan. Tên của tổ chức tài chính vi mô được đặt phù hợp với hình thức pháp lý, loại hình tương ứng như sau:

- a) Tổ chức tài chính vi mô trách nhiệm hữu hạn một thành viên và tên riêng;
- b) Tổ chức tài chính vi mô trách nhiệm hữu hạn và tên riêng.

2. Trụ sở chính của tổ chức tài chính vi mô phải đáp ứng các quy định về trụ sở chính của doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các điều kiện sau:

a) Là nơi làm việc của Hội đồng thành viên, Ban điều hành, được ghi trong Giấy phép theo quy định của pháp luật và được thực hiện giao dịch với khách hàng;

b) Phải ở trên lãnh thổ Việt Nam, có địa chỉ được xác định gồm tên tòa nhà, số nhà, ngõ, hẻm, ngõ phố, phố, đường hoặc thôn, xóm, ấp, tên đơn vị hành chính cấp xã, tên đơn vị hành chính cấp tỉnh;

c) Tổ chức tài chính vi mô có quyền sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp;

d) Đảm bảo thuận tiện giao dịch với khách hàng và có kho tiền đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;

đ) Đảm bảo an toàn tài sản và phù hợp với yêu cầu hoạt động của tổ chức tài chính vi mô;

e) Có hệ thống công nghệ thông tin kết nối giữa trụ sở chính với chi nhánh, phòng giao dịch, giữa chi nhánh quản lý với phòng giao dịch đảm bảo an toàn, bảo mật và yêu cầu báo cáo, thống kê.

Điều 14. Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự

1. Hội đồng thành viên phải thành lập Ủy ban quản lý rủi ro, Ủy ban nhân sự và ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của hai Ủy ban này. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ban hành, tổ chức tài chính vi mô phải gửi các quy định nội bộ này cho Ngân hàng Nhà nước.

2. Cơ cấu tổ chức của hai Ủy ban do Hội đồng thành viên quyết định nhưng mỗi Ủy ban phải có tối thiểu hai thành viên, Trưởng ban là thành viên Hội đồng thành viên. Một thành viên Hội đồng thành viên chỉ được là Trưởng ban của một Ủy ban. Trưởng ban và các thành viên khác của hai Ủy ban do Hội đồng thành

viên bổ nhiệm, miễn nhiệm theo Điều lệ của tổ chức tài chính vi mô.

3. Quy chế tổ chức và hoạt động của các Ủy ban tối thiểu gồm các nội dung sau đây:

a) Nội dung quy chế làm việc gồm: Số lượng thành viên của Ủy ban và trách nhiệm của từng thành viên; các kỳ họp định kỳ của Ủy ban; việc họp bất thường của Ủy ban; việc đưa ra quyết định của Ủy ban;

b) Nhiệm vụ, chức năng của các Ủy ban:

(i) Đối với Ủy ban quản lý rủi ro:

- Tham mưu cho Hội đồng thành viên trong việc ban hành các quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền của Ủy ban liên quan đến quản trị rủi ro trong hoạt động tổ chức tài chính vi mô theo quy định của pháp luật và Điều lệ của tổ chức tài chính vi mô;

- Phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của tổ chức tài chính vi mô trước những nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn, dài hạn;

- Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình, chính sách quản trị rủi ro hiện hành của tổ chức tài chính vi mô để đưa các khuyến nghị, đề xuất đối với Hội đồng thành viên về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động;

(ii) Đối với Ủy ban nhân sự:

- Tham mưu cho Hội đồng thành viên về quy mô và cơ cấu Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của tổ chức tài chính vi mô;

- Tham mưu cho Hội đồng thành viên xử lý các vấn đề về nhân sự phát sinh liên quan đến các thủ tục bầu, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của tổ chức tài chính vi mô;

- Nghiên cứu, tham mưu cho Hội đồng thành viên trong việc ban hành các quy định nội bộ của tổ chức tài chính vi mô thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, quy chế tuyển chọn nhân sự, đào tạo và các chính sách đãi ngộ khác đối với người điều hành, cán bộ, nhân viên của tổ chức tài chính vi mô.

Mục 3**TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐỐI VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT****Điều 15. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Hội đồng thành viên**

Thành viên Hội đồng thành viên phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 42 và Điều 43 Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Không phải là người đang quản lý, điều hành của chương trình, dự án tài chính vi mô; của tổ chức phi chính phủ đang thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô.

3. Có đạo đức nghề nghiệp.

4. Có trình độ từ đại học trở lên.

5. Có một trong các điều kiện sau đây:

a) Có ít nhất 02 năm là người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng;

b) Có ít nhất 03 năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định của tổ chức tài chính vi mô theo quy định của pháp luật;

c) Có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

d) Có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính vi mô hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

Điều 16. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 42 và Điều 43 Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Có đạo đức nghề nghiệp.

3. Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật và có ít nhất 01 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực có liên quan đến lĩnh vực tài chính vi mô.

4. Trưởng Ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

Điều 17. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Tổng giám đốc (Giám đốc)

Tổng giám đốc (Giám đốc) phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 42 và Điều 43 Luật Các tổ chức tín dụng.
2. Không phải là người đang quản lý, điều hành của chương trình, dự án tài chính vi mô; của tổ chức phi chính phủ đang thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô.
3. Có đạo đức nghề nghiệp.
4. Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật.
5. Có ít nhất 02 năm kinh nghiệm là người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc ít nhất 02 năm làm Tổng giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định của tổ chức tài chính vi mô theo quy định của pháp luật hoặc có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc ở vị trí quản lý (từ Trưởng bộ phận trở lên) trong lĩnh vực tài chính vi mô hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính (bao gồm cả lĩnh vực tài chính vi mô), ngân hàng, kế toán, kiểm toán.
6. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

Điều 18. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh

1. Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc) không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 42 và Điều 43 Luật Các tổ chức tín dụng; Kế toán trưởng không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2, 3 Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng; Giám đốc chi nhánh không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Có một trong các điều kiện sau đây:

a) Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật hoặc ngành khác thuộc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;

b) Có trình độ từ đại học trở lên về ngành khác và có ít nhất 02 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính (bao gồm cả lĩnh vực tài chính vi mô), ngân hàng hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm.

3. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

4. Kế toán trưởng phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật về kế toán.

Mục 4

**CHẤP THUẬN DANH SÁCH DỰ KIẾN NHỮNG NGƯỜI ĐƯỢC BẦU,
BỔ NHIỆM LÀM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, THÀNH
VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC) TỔ CHỨC
TÀI CHÍNH VI MÔ**

Điều 19. Về đánh giá có đạo đức nghề nghiệp đối với nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tài chính vi mô

1. Những người thuộc một trong các trường hợp sau đây được coi là không có đạo đức nghề nghiệp:

a) Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra, kiểm tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng;

b) Người có tên tại kết luận thanh tra, kiểm tra có trách nhiệm dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng mà tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chưa chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

c) Người bị xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính hoặc 01 năm kể từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

d) Người phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các vi phạm về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn, phân loại tài sản có, cam kết ngoại bảng, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro theo quy định của pháp luật nêu tại kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền mà kiến nghị liên quan đến các vi phạm đó chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đánh giá đã hoàn thành việc khắc phục, chỉnh sửa.

2. Nhân sự dự kiến không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng các quy định như sau:

a) Nhân sự dự kiến đã, đang công tác tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải đáp ứng các quy định về quy tắc, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp do chính tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó ban hành

theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về hệ thống kiểm soát nội bộ áp dụng đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

b) Nhân sự dự kiến phải đáp ứng các quy định về quy tắc, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp do tổ chức tài chính vi mô ban hành theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về hệ thống kiểm soát nội bộ áp dụng đối với tổ chức tài chính vi mô.

Điều 20. Hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự

1. Văn bản của tổ chức tài chính vi mô đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự theo mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Văn bản thông qua danh sách dự kiến nhân sự của tổ chức tài chính vi mô (đối với nhân sự Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát phải nêu rõ nhiệm kỳ), cụ thể:

a) Đối với tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên: Văn bản của người đại diện hợp pháp của chủ sở hữu;

b) Đối với tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên:

(i) Trường hợp dự kiến bổ nhiệm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát: Văn bản cử người tham gia làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát do người đại diện hợp pháp của thành viên góp vốn ký;

(ii) Trường hợp dự kiến bổ nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc): Nghị quyết của Hội đồng thành viên.

3. Sơ yếu lý lịch của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo mẫu tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Phiếu lý lịch tư pháp của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm:

a) Đối với trường hợp nhân sự có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm, trong đó phải đầy đủ thông tin về án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

b) Đối với nhân sự không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa và thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của nước mà người nước ngoài cư trú trước khi đến Việt Nam cấp. Trường hợp người nước ngoài hiện cư trú tại Việt Nam từ đủ 06 tháng trở lên, Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp lý lịch tư pháp tại nơi người nước ngoài đang tạm trú.

Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm tổ chức tài chính vi mô nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự tối đa 06 tháng.

Nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm có thể xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật.

5. Bảng kê khai người có liên quan với nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Các văn bằng, chứng chỉ chứng minh trình độ chuyên môn của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm, trong đó văn bằng của người có quốc tịch Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam công nhận theo quy định của pháp luật có liên quan.

7. Văn bản đánh giá của tổ chức tài chính vi mô; của tổ chức tín dụng khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi nhân sự dự kiến đã, đang công tác quy định tại khoản 2 Điều 19 Thông tư này theo mẫu tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này.

8. Các tài liệu chứng minh việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện về kinh nghiệm đối với nhân sự dự kiến giữ chức danh thành viên Hội đồng thành viên quy định tại khoản 5 Điều 15 Thông tư này, cụ thể:

a) Đối với điều kiện quy định tại điểm a khoản 5 Điều 15: Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của tổ chức tín dụng nơi nhân sự dự kiến đã hoặc đang làm việc xác nhận chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ (trong đó có nội dung xác nhận nhân sự là người quản lý, người điều hành) hoặc bản sao văn bản chứng minh chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ tại tổ chức tín dụng của nhân sự dự kiến;

b) Đối với điều kiện quy định tại điểm b khoản 5 Điều 15:

(i) Nội dung Điều lệ của doanh nghiệp quy định về người quản lý hoặc quy định nội bộ của doanh nghiệp trường hợp nội dung Điều lệ không quy định về người quản lý;

(ii) Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp nơi nhân sự dự kiến đã hoặc đang làm việc xác nhận chức vụ (trong đó có nội dung xác nhận nhân sự dự kiến là người quản lý) và thời gian đảm nhiệm chức vụ hoặc bản sao văn bản chứng minh chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ tại đơn vị của nhân sự dự kiến;

(iii) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập của doanh nghiệp nơi nhân sự dự kiến đã hoặc đang là người quản lý. Trường hợp doanh nghiệp không thuộc đối tượng phải thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính

hàng năm thì phải cung cấp báo cáo tài chính đã nộp cho cơ quan thuế theo quy định của pháp luật;

c) Đối với điều kiện quy định tại điểm c, d khoản 5 Điều 15: Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của đơn vị nơi nhân sự dự kiến đã hoặc đang làm việc xác nhận nhân sự dự kiến làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ, làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính vi mô và thời gian làm việc tại các bộ phận, lĩnh vực này hoặc bản sao các văn bản chứng minh bộ phận công tác, lĩnh vực công tác, thời gian đảm nhận nhiệm vụ của nhân sự dự kiến tại bộ phận này.

9. Tài liệu chứng minh việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện về kinh nghiệm đối với nhân sự dự kiến giữ chức danh thành viên Ban kiểm soát quy định tại khoản 3 Điều 16 Thông tư này: Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của đơn vị nơi nhân sự dự kiến đã hoặc đang làm việc xác nhận lĩnh vực làm việc và thời gian kinh nghiệm liên quan đến tài chính vi mô hoặc bản sao các văn bản chứng minh lĩnh vực công tác, thời gian đảm nhận nhiệm vụ của nhân sự dự kiến tại lĩnh vực này.

10. Các tài liệu chứng minh việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện về kinh nghiệm đối với nhân sự dự kiến giữ chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc) quy định tại khoản 5 Điều 17 Thông tư này, cụ thể:

a) Đối với điều kiện có ít nhất 02 năm kinh nghiệm là người điều hành của tổ chức tín dụng: Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của tổ chức tín dụng nơi nhân sự dự kiến đã hoặc đang làm việc xác nhận chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ hoặc bản sao văn bản chứng minh chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ tại tổ chức tín dụng của nhân sự dự kiến;

b) Đối với điều kiện ít nhất 02 năm làm Tổng giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định của tổ chức tài chính vi mô:

(i) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập của doanh nghiệp nơi nhân sự dự kiến đã hoặc đang giữ chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc). Trường hợp doanh nghiệp không thuộc đối tượng phải thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm thì phải cung cấp báo cáo tài chính đã nộp cho cơ quan thuế theo quy định của pháp luật;

(ii) Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp nơi nhân sự dự kiến đã hoặc đang làm việc xác nhận chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ hoặc bản sao văn bản chứng minh chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ tại doanh nghiệp của nhân sự dự kiến;

c) Đối với điều kiện có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc ở vị trí quản lý (từ Trưởng bộ phận trở lên) trong lĩnh vực tài chính vi mô hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính (bao gồm cả lĩnh vực tài chính vi

mô), ngân hàng, kế toán, kiểm toán: Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của đơn vị nơi nhân sự dự kiến đã hoặc đang làm việc xác nhận nhân sự dự kiến làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, vị trí công tác và thời gian làm việc tại lĩnh vực này hoặc bản sao các văn bản chứng minh vị trí công tác, lĩnh vực công tác, thời gian đảm nhận nhiệm vụ của nhân sự dự kiến tại lĩnh vực này.

11. Đối với nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm thuộc trường hợp ngoại lệ quy định tại điểm c khoản 1, điểm đ, e khoản 2 Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng: văn bản của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cử nhân sự dự kiến làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại tổ chức tín dụng; cử, chỉ định, bổ nhiệm nhân sự dự kiến tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát tổ chức tín dụng hoặc tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ.

Điều 21. Trình tự thực hiện

1. Tổ chức tài chính vi mô lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 20 Thông tư này gửi Ngân hàng Nhà nước đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự.

2. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung hồ sơ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ của tổ chức tài chính vi mô, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của tổ chức tài chính vi mô. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 22. Thời hạn hiệu lực của văn bản chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự

Văn bản của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của tổ chức tài chính vi mô theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này có hiệu lực trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày ký.

Mục 5

VỐN ĐIỀU LỆ, TỶ LỆ SỞ HỮU VỐN GÓP, ĐIỀU KIỆN CHUYỂN NHƯỢNG PHẦN VỐN GÓP

Điều 23. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của tổ chức tài chính vi mô là vốn đã được chủ sở hữu thực cấp hoặc vốn đã được các thành viên góp vốn thực góp và được ghi vào Điều lệ.

2. Chủ sở hữu, thành viên góp vốn không được dùng vốn ủy thác, vốn huy động, vốn vay dưới bất kỳ hình thức nào để góp vốn vào tổ chức tài chính vi mô

và phải cam kết, chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của nguồn vốn góp.

3. Vốn điều lệ của tổ chức tài chính vi mô được góp bằng tiền là đồng Việt Nam.

Điều 24. Tỷ lệ sở hữu vốn góp

1. Tỷ lệ sở hữu vốn góp của tất cả các thành viên góp vốn là tổ chức chính trị - xã hội phải đạt tỷ lệ tối thiểu 25% vốn điều lệ của tổ chức tài chính vi mô.

2. Tỷ lệ sở hữu vốn góp của các thành viên góp vốn không phải là tổ chức chính trị - xã hội không được vượt quá tỷ lệ sở hữu vốn góp của các tổ chức chính trị - xã hội.

3. Tỷ lệ sở hữu vốn góp của một thành viên góp vốn và người có liên quan tối đa không vượt quá 50% vốn điều lệ của tổ chức tài chính vi mô.

Điều 25. Chuyển nhượng phần vốn góp

1. Việc chuyển nhượng phần vốn góp phải tuân thủ các quy định của Điều 24 Thông tư này, Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép, thành viên sáng lập chỉ được chuyển nhượng phần vốn góp cho thành viên sáng lập khác với điều kiện đảm bảo các tỷ lệ sở hữu vốn góp quy định tại Điều 24 Thông tư này.

3. Đối với tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, chủ sở hữu chỉ được chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của chủ sở hữu cho một pháp nhân khác đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính phủ về điều kiện đối với chủ sở hữu.

4. Đối với tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, các thành viên góp vốn được chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình cho thành viên góp vốn, pháp nhân khác. Việc chuyển nhượng phần vốn góp của thành viên đảm bảo:

- a) Không làm thay đổi hình thức pháp lý của tổ chức tài chính vi mô;
- b) Ưu tiên chuyển nhượng phần vốn cho các thành viên còn lại theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của họ với cùng điều kiện;
- c) Việc chuyển nhượng phần vốn góp cho pháp nhân khác chỉ được thực hiện khi các thành viên góp vốn còn lại không mua hoặc không mua hết trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày chào bán và được thực hiện theo các điều kiện không ưu đãi hơn các điều kiện chuyển nhượng cho các bên góp vốn còn lại trong tổ chức tài chính vi mô;
- d) Pháp nhân khác nhận chuyển nhượng phần vốn góp từ thành viên phải đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính phủ về điều kiện đối với thành viên sáng lập.

Mục 6**HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ****Điều 26. Nội dung hoạt động**

1. Tổ chức tài chính vi mô được thực hiện các hoạt động huy động vốn sau:

a) Nhận tiền gửi bằng đồng Việt Nam dưới các hình thức sau: Tiết kiệm bắt buộc; tiền gửi của tổ chức, cá nhân bao gồm cả tiền gửi tự nguyện của khách hàng tài chính vi mô, trừ tiền gửi nhằm mục đích thanh toán;

b) Vay, nhận tiền gửi với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

c) Vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức tài chính vi mô được gửi tiền tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3. Tổ chức tài chính vi mô chỉ được thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam đối với các khách hàng tài chính vi mô để sử dụng vào các hoạt động tạo thu nhập và cải thiện điều kiện sống. Tổ chức tài chính vi mô không được cho vay khách hàng để mua, đầu tư chứng khoán.

Khoản cho vay của tổ chức tài chính vi mô có thể được bảo đảm bằng tiết kiệm bắt buộc, bảo lãnh của nhóm khách hàng tiết kiệm và vay vốn (sau đây gọi là tổ vay vốn) theo quy định của tổ chức tài chính vi mô.

Việc cho vay của tổ chức tài chính vi mô đối với hộ nghèo, cận nghèo, hộ gia đình có thu nhập thấp được thực hiện thông qua người đại diện của hộ gia đình. Người đại diện của hộ gia đình là thành viên của hộ gia đình và phải được các thành viên của hộ gia đình ủy quyền đại diện bằng văn bản theo quy định của pháp luật.

4. Tổng dư nợ cho vay của tổ chức tài chính vi mô đối với một khách hàng tài chính vi mô là doanh nghiệp siêu nhỏ không vượt quá 200 triệu đồng.

5. Tổng dư nợ cho vay của tổ chức tài chính vi mô đối với một khách hàng tài chính vi mô là hộ nghèo, hộ cận nghèo; cá nhân thuộc hộ nghèo, cá nhân thuộc hộ cận nghèo, cá nhân có thu nhập thấp, hộ gia đình có thu nhập thấp không được vượt quá 100 triệu đồng.

Việc cho vay đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo phải đảm bảo tuân thủ các yêu cầu sau:

a) Hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú hợp pháp tại địa bàn nơi cho vay;

b) Có tên trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo tại đơn vị hành chính cấp xã theo quy định về chuẩn nghèo đa chiều.

6. Tổ chức tài chính vi mô chỉ được cho vay khách hàng là cá nhân thuộc

hộ nghèo, cá nhân thuộc hộ cận nghèo, người lao động khác theo quy định tại điểm b(iii) khoản 4 Điều 3 Thông tư này và hộ gia đình có thu nhập thấp thông qua tổ vay vốn và thuộc danh sách được chính quyền địa phương các cấp hoặc tổ chức chính trị - xã hội phê duyệt hoặc giới thiệu cho tổ chức tài chính vi mô.

7. Tổ chức tài chính vi mô được mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Tổ chức tài chính vi mô không được mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.

8. Đại lý bảo hiểm theo quy định sau:

a) Khi Giấy phép mà Ngân hàng Nhà nước cấp cho tổ chức tài chính vi mô có nội dung hoạt động đại lý bảo hiểm thì tổ chức tài chính vi mô được thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm;

b) Khi thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm, tổ chức tài chính vi mô phải tuân thủ các quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm và quy định của pháp luật.

9. Tổ chức tài chính vi mô được thực hiện một số hoạt động kinh doanh khác theo quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 130 Luật Các tổ chức tín dụng.

Điều 27. Quy định nội bộ có nội dung về cho vay

Tổ chức tài chính vi mô phải xây dựng quy định nội bộ có nội dung về cho vay đối khách hàng quy định tại khoản 4, 5 Điều 26 Thông tư này, bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

1. Các tiêu chí để xác định khách hàng là người lao động khác theo quy định tại điểm b(iii) khoản 4 Điều 3 Thông tư này.

2. Quy định cụ thể về tổ vay vốn, trong đó phải tối thiểu có các nội dung sau:

a) Mục đích thành lập tổ vay vốn;

b) Số lượng tổ viên tham gia tổ vay vốn; trong đó số lượng tổ viên một tổ vay vốn tối thiểu là 05 tổ viên và tối đa là 60 tổ viên, cư trú hợp pháp trên cùng một địa bàn đơn vị hành chính cấp xã hoặc làm việc tại cùng một tổ chức, doanh nghiệp, có nhu cầu vay vốn hoặc đang có dư nợ tại tổ chức tài chính vi mô;

c) Chế độ hoạt động tổ vay vốn bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

(i) Sinh hoạt định kỳ hằng tháng và khi cần thiết;

(ii) Số lượng tổ viên tối thiểu tham gia sinh hoạt định kỳ;

d) Quy trình bình xét, lựa chọn tổ viên để đề nghị cho vay;

đ) Tiêu chuẩn, điều kiện của tổ trưởng tổ vay vốn;

e) Quyền lợi, trách nhiệm của tổ trưởng và tổ viên của tổ vay vốn;

g) Quan hệ của tổ vay vốn với chính quyền địa phương, tổ chức chính trị - xã hội;

h) Biện pháp quản lý, phòng ngừa rủi ro tập trung đối với các tổ vay vốn được thành lập dựa trên tiêu chí tổ viên cùng làm việc tại một tổ chức, doanh nghiệp.

3. Quy trình xét duyệt cho vay và giải ngân vốn vay.

4. Quy trình kiểm soát, quản lý, giám sát để bảo đảm việc sử dụng tiền vay đúng mục đích.

Điều 28. Thời hạn hoạt động và địa bàn hoạt động

1. Thời hạn hoạt động của tổ chức tài chính vi mô được ghi trong Giấy phép tối đa không quá 50 năm.

2. Địa bàn hoạt động của tổ chức tài chính vi mô được quy định trong Giấy phép.

3. Tổ chức tài chính vi mô thực hiện mở rộng mạng lưới hoạt động ra ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở chính theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ

Điều 29. Trách nhiệm của tổ chức tài chính vi mô, tổ chức tín dụng khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

1. Tổ chức tài chính vi mô có trách nhiệm:

a) Thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước kết quả bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) theo mẫu tại Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bầu, bổ nhiệm;

b) Thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước về người đại diện theo pháp luật theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Luật Các tổ chức tín dụng và trong trường hợp thay đổi thông tin của người đại diện theo pháp luật;

c) Tổ chức tài chính vi mô nơi nhân sự dự kiến đã, đang công tác có trách nhiệm đánh giá về việc có đạo đức nghề nghiệp đối với nhân sự dự kiến được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khi nhân sự dự kiến có đề nghị;

d) Thực hiện các nội dung khác theo quy định tại Thông tư này.

2. Tổ chức tín dụng khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi nhân sự dự kiến đã, đang công tác chịu trách nhiệm đánh giá về việc có đạo đức nghề nghiệp

theo mẫu tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này, ngoại trừ tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã giải thể, phá sản, hợp nhất, bị sáp nhập.

Điều 30. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có trách nhiệm:

a) Làm đầu mối thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, cấp đổi Giấy phép; trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản đề nghị cơ quan tư pháp có thẩm quyền cung cấp thông tin liên quan đến án tích của thành viên góp vốn khi xử lý đề nghị cấp Giấy phép theo quy định tại Điều 8 Thông tư này; trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định cấp Giấy phép, cấp đổi Giấy phép;

b) Cấp bản sao Giấy phép từ sổ gốc đối với tổ chức tài chính vi mô theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư này;

c) Làm đầu mối thẩm định hồ sơ, lấy ý kiến các đơn vị có liên quan, có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tài chính vi mô;

d) Thực hiện việc thông báo thông tin cho cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định tại Điều 12 Thông tư này;

đ) Tiếp nhận các quy định nội bộ của Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự của tổ chức tài chính vi mô theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư này;

e) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của tổ chức tài chính vi mô theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Thông tư này, thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi tổ chức tài chính vi mô đặt trụ sở chính để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp;

g) Giám sát tổ chức tài chính vi mô theo chức năng, nhiệm vụ được giao trong việc thực hiện các quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan;

h) Chủ trì, phối hợp với các Vụ, Cục thuộc Ngân hàng Nhà nước trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét các vấn đề có liên quan đến việc thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô;

i) Thực hiện các nội dung khác theo quy định tại Thông tư này.

2. Thanh tra Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm thực hiện thanh tra, xử lý hành vi vi phạm của tổ chức tài chính vi mô theo chức năng, nhiệm vụ được giao trong việc thực hiện các quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 31. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực

1. Thanh tra, giám sát, xử lý đối với các hành vi vi phạm của đơn vị trực thuộc của tổ chức tài chính vi mô trên địa bàn theo quy định của pháp luật.
2. Tham gia ý kiến với Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng) theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 9 Thông tư này.
3. Tham gia ý kiến bằng văn bản theo mẫu tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này trên cơ sở đề nghị của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 30 Thông tư này trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.
4. Sau khi nhận được thông báo của tổ chức tài chính vi mô về điều kiện khai trương hoạt động theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, kiểm tra, chỉ đạo, giám sát tổ chức tài chính vi mô thực hiện và đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước trước khi tiến hành khai trương hoạt động và báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng) về điều kiện và tình hình tiến hành khai trương hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.
5. Chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra tổ chức tài chính vi mô có hoạt động trên địa bàn trong việc thực hiện quy định tại Thông tư này.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 32. Điều khoản chuyển tiếp

1. Tổ chức tài chính vi mô đã thành lập và hoạt động theo Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành không phải đề nghị cấp lại Giấy phép và không phải điều chỉnh lại thành viên góp vốn.
2. Đối với các hợp đồng cho vay được ký kết trước ngày 01/7/2024 và phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết, tổ chức tài chính vi mô và khách hàng khác được tiếp tục thực hiện theo các thỏa thuận đã ký kết cho đến hết thời hạn của hợp đồng cho vay hoặc sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định tại Thông tư này.
3. Hợp đồng, thỏa thuận nhận tiền gửi tiết kiệm (bao gồm cả tiền gửi tự nguyện và tiết kiệm bắt buộc) được ký kết trước ngày 01/7/2024, tổ chức tài chính vi mô và khách hàng được tiếp tục thực hiện theo hợp đồng, thỏa thuận đã ký kết cho đến hết thời hạn của hợp đồng, thỏa thuận. Việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn hợp đồng, thỏa thuận chỉ được thực hiện nếu nội dung sửa đổi, bổ sung, gia hạn phù hợp với quy định của Thông tư này.
4. Người quản lý, người điều hành của tổ chức tài chính vi mô được bầu, bổ nhiệm trước ngày 01/7/2024 mà không đáp ứng quy định tại Điều 15, 17, 18

Thông tư này được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm.

5. Thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tài chính vi mô được bầu, bổ nhiệm trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành và đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm bầu, bổ nhiệm được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm.

6. Hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của tổ chức tài chính vi mô đã nộp đầy đủ cho Ngân hàng Nhà nước trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục xử lý theo quy định tại Thông tư số 33/2024/TT-NHNN.

Điều 33. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 02 năm 2026.

2. Thông tư số 33/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, trừ quy định tại khoản 6 Điều 32 Thông tư này.

Điều 34. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tài chính vi mô chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 34;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử NHNN;
- Lưu: VP, Vụ PC, ATHT4.

THỐNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC



Đoàn Thái Sơn

Phụ lục I
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG
ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP THÀNH LẬP TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 54/2025/TT-NHNN ngày 26 tháng 12 năm 2025
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG
TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ ... (các văn bản quy phạm pháp luật được sử dụng làm căn cứ);

Căn cứ Biên bản cuộc họp thành viên sáng lập hoặc văn bản của chủ sở hữu là (tên tổ chức) ngày ... tháng ... năm ... về việc thành lập tổ chức tài chính vi mô ...;

Các thành viên sáng lập (hoặc chủ sở hữu) đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tài chính vi mô với các nội dung sau đây:

1. Tên Tổ chức tài chính vi mô:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt:
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên giao dịch (nếu có):

2. Địa điểm đặt trụ sở chính, số điện thoại, số fax:

3. Địa bàn hoạt động:

4. Nội dung hoạt động: (ghi rõ các nội dung đề nghị)

5. Thời hạn hoạt động:

6. Vốn điều lệ:

Chúng tôi xin cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

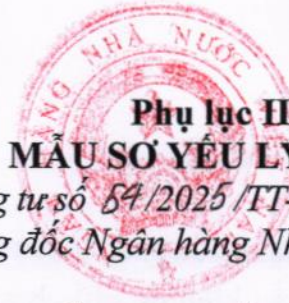
- Thực hiện đăng ký doanh nghiệp, đăng ký khai trương và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều lệ tổ chức và hoạt động tổ chức tài chính vi mô./.

..., ngày ... tháng ... năm ...

**Người đại diện hợp pháp của chủ sở hữu hoặc người đại diện
theo pháp luật của các thành viên sáng lập tổ chức tài chính vi mô**

(Ký, đóng dấu và ghi đầy đủ họ tên) 



Phụ lục II
MẪU SƠ YẾU LÝ LỊCH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 84/2025/TT-NHNN ngày 26 tháng 12 năm 2025
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ảnh màu
(4x6) đóng
dấu giáp lai
của cơ quan
xác nhận lý
lịch

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Về bản thân

- Họ và tên khai sinh:
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Số định danh cá nhân, nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú, tạm trú) đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam:
- Số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch/các quốc tịch (nếu có), nơi ở hiện tại đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam:
- Tên, địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện; số vốn góp và tỷ lệ vốn góp (trường hợp thành viên góp vốn là pháp nhân):

2. Trình độ học vấn

- Giáo dục phổ thông:
- Học hàm, học vị (nêu rõ tên, địa chỉ trường; chuyên ngành học; thời gian học; bằng cấp (liệt kê đầy đủ các bằng cấp):

3. Quá trình công tác

- Nghề nghiệp, đơn vị, chức vụ công tác từ năm 18 tuổi đến nay⁽¹⁾:

STT	Thời gian (từ tháng/năm đến tháng/năm) ⁽²⁾	Đơn vị công tác	Chức vụ	Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp và nhiệm vụ được giao	Ghi chú ⁽³⁾

- Khen thưởng, kỷ luật, trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính⁽⁴⁾:

4. Năng lực hành vi dân sự⁽⁵⁾

5. Cam kết trước pháp luật

Tôi cam kết:

- Không vi phạm các quy định của pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.
- Đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện để giữ chức danh ... tại Tổ chức tài chính vi mô ... theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Trong đó, tôi cam kết tuân thủ về việc có đạo đức nghề nghiệp theo quy định trong quá trình công tác tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (nếu có).
- Thông báo cho Tổ chức tài chính vi mô ... về bất kỳ thay đổi nào liên quan đến nội dung bản khai trên phát sinh trong thời gian Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang xem xét đề nghị của Tổ chức tài chính vi mô ...
- Các thông tin cá nhân tôi cung cấp cho tổ chức tài chính vi mô là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này./.

..., ngày ... tháng ... năm ...

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)⁽⁶⁾

Ghi chú:

Người khai phải kê khai đầy đủ thông tin theo yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật và tổ chức tài chính vi mô về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của hồ sơ, trường hợp không phát sinh thì ghi rõ không có.

(1) Người khai phải kê khai đầy đủ công việc, đơn vị công tác, các chức vụ đã và đang nắm giữ.

(2) Phải đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian.

(3) Ghi chú nếu đơn vị công tác thuộc các trường hợp sau:

- (i) Doanh nghiệp mà Nhà nước sở hữu từ 50% vốn điều lệ trở lên;
- (ii) Đơn vị theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng;
- (iii) Đơn vị theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng.

(4) Ghi cụ thể nếu nhân sự thuộc trường hợp nêu tại điểm d và điểm g khoản 1 Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng.

(5) Ghi cụ thể:

- (i) Đầy đủ/Hạn chế/Mất năng lực hành vi dân sự;
- (ii) Thông tin về cam đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (đối với trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin này).

(6) Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

Ngoài những nội dung cơ bản trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết.

Phụ lục III

**MẪU GIẤY PHÉP ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP THÀNH LẬP
TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 34/2025/TT-NHNN ngày 26 tháng 12 năm 2025
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../GP-NHNN

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY PHÉP
THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ**

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ ... (các văn bản quy phạm pháp luật được sử dụng làm căn cứ);

Xét đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Tổ chức tài chính vi mô ... và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của ... (chức vụ của người đứng đầu đơn vị xử lý tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép thành lập Tổ chức tài chính vi mô sau đây:

1. Tên của Tổ chức tài chính vi mô:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:

- Tên viết tắt:

- Địa chỉ trụ sở chính:

2. Vốn điều lệ:

3. Nội dung, phạm vi hoạt động: (ghi rõ nội dung chấp thuận)

4. Thời hạn hoạt động:

5. Địa bàn hoạt động:

Điều 2. Trong quá trình hoạt động, tổ chức tài chính vi mô phải tuân thủ pháp luật Việt Nam.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 4. Giấy phép tổ chức tài chính vi mô được lập thành 05 (năm) bản chính: 01 (một) bản cấp cho tổ chức tài chính vi mô; 01 (một) bản gửi cơ quan đăng ký kinh doanh; 03 (ba) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm: 01

(một) bản lưu tại Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 01 (một) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ... (nơi tổ chức tài chính vi mô đặt trụ sở chính); 01 (một) bản lưu tại hồ sơ cấp Giấy phép./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- UBND tỉnh/thành phố ...;
- Bộ Công an;
- Lưu VP, ...

THÔNG ĐỌC 



Phụ lục IV
MẪU BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 54 /2025 /TT-NHNN ngày 26 tháng 12 năm 2025
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

STT	Người khai và “người có liên quan” của người khai	Số định danh cá nhân/số Hộ chiếu ⁽¹⁾	Mối quan hệ với người khai ⁽²⁾	Chức vụ tại tổ chức tài chính vi mô đề nghị
I	Người kê khai			
1	Nguyễn Văn A		Người khai	
II	Người có liên quan			
2	Nguyễn Thị B		Vợ	

Tôi cam kết các thông tin cung cấp trên đây là đúng sự thật. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, trung thực, chính xác của các thông tin kê khai nêu trên./.

..., ngày ... tháng ... năm ...
Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)⁽³⁾

Ghi chú:

(1) Số định danh cá nhân đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam; số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam.

(2) Căn cứ mối quan hệ thực tế của người có liên quan thuộc trường hợp cụ thể theo quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng và quy định có liên quan để điền vào cột này.

(3) Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

Ngoài những nội dung tối thiểu nêu trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết.

Phụ lục V
MẪU BÁO CÁO KHẢ NĂNG TÀI CHÍNH THAM GIA GÓP VỐN
THÀNH LẬP TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ CỦA DOANH NGHIỆP
KHÔNG PHẢI NGÂN HÀNG

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 54/2025/TT-NHNN ngày 26 tháng 12 năm 2025
202 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Ban trụ bị thành lập Tổ chức tài chính vi mô ...

1. Thông tin về doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp (tên đầy đủ và chính thức, ghi bằng chữ in hoa):
- Mã định danh của doanh nghiệp (nếu có):
- Số Giấy phép thành lập hoặc đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, cơ quan cấp, ngày cấp:
- Vốn điều lệ:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Số điện thoại:
- Số Fax:
- Tên người đại diện theo pháp luật:
- + Ngày tháng năm sinh:
- + Số định danh cá nhân; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú) (đối với người có quốc tịch Việt Nam):
- + Số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; quốc tịch (quốc tịch gốc, các quốc tịch hiện nay); nơi ở hiện tại (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):

2. Khả năng về tài chính để góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô

- Vốn chủ sở hữu (A):
- Tài sản dài hạn trừ đi Nợ dài hạn dùng để đầu tư tài sản dài hạn (B):
- Khả năng về tài chính để góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô ($C = A - B$):

(Trường hợp doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn pháp định cần kê khai thêm các thông tin dưới đây)

- Mức vốn pháp định theo yêu cầu của pháp luật hiện hành áp dụng đối với ngành nghề mà doanh nghiệp đang hoạt động (trường hợp doanh nghiệp hoạt

động đa ngành thì kê khai mức vốn pháp định cao nhất) (D):

- Vốn chủ sở hữu trừ mức vốn pháp định ($E = A - D$):

Kết luận: Đủ khả năng tài chính góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô (chỉ kết luận này khi C và E tối thiểu bằng mức vốn cam kết góp của doanh nghiệp).

3. Cam kết

- Không sử dụng vốn huy động, vốn vay của các tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp;

- Tuân thủ các quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô, các quy định nội bộ của tổ chức tài chính vi mô và các quy định của pháp luật có liên quan;

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những hồ sơ gửi kèm (nếu có)./.

..., ngày ... tháng ... năm ...

Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú: Vốn chủ sở hữu, Tài sản dài hạn, Nợ dài hạn dùng để đầu tư tài sản dài hạn lấy theo báo cáo tài chính năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đã được kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán. 12



Phụ lục VI
MẪU BẢNG KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ LỊCH SỬ
QUAN HỆ TÍN DỤNG CỦA TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP
(Ban hành kèm theo Thông tư số 54 /2025 /TT-NHNN ngày 26 tháng 12 năm 2025
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ LỊCH SỬ QUAN HỆ TÍN DỤNG
CỦA TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP

1. Tên tổ chức, doanh nghiệp:
2. Mã định danh/Mã số thuế của tổ chức, doanh nghiệp:
3. Lĩnh vực hoạt động, kinh doanh:
4. Thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng:
 - Tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:
 - Địa chỉ:
 - Số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, cơ quan cấp, ngày cấp:
 - Tiền gửi tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại thời điểm kê khai:
 - Dư nợ tín dụng tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại thời điểm kê khai:
 - Dư nợ quá hạn tại thời điểm kê khai:
 - Nợ xấu tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:
 - + Thời điểm *(Ghi rõ tháng, năm)*:
 - + Thực trạng xử lý nợ xấu *(Ghi rõ đến thời điểm kê khai đã xử lý như thế nào)*:
5. Cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của bảng kê khai./.

..., ngày ... tháng ... năm ...

Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu) 

Phụ lục VII

**MẪU VĂN BẢN CAM KẾT ĐÃ THỰC HIỆN ĐẦY ĐỦ NGHĨA VỤ
THUẾ, BẢO HIỂM XÃ HỘI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 54/2025/TT-NHNN ngày 26 tháng 12 năm 2025
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày... tháng ... năm ...

*V/v cam kết đã thực hiện đầy đủ
nghĩa vụ thuế, bảo hiểm*

**VĂN BẢN CAM KẾT ĐÃ THỰC HIỆN ĐẦY ĐỦ NGHĨA VỤ
THUẾ, BẢO HIỂM XÃ HỘI**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 162/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

Căn cứ Thông tư số .../2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.

Tên tổ chức:

Mã định danh/Mã số thuế của tổ chức:

Trụ sở chính:

Điện thoại:

Đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:

Bằng văn bản này, ... (tên tổ chức) xin cam kết: Tính tới thời điểm hiện tại, ... (tên tổ chức) đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội với cơ quan nhà nước.

... (tên tổ chức) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ các nội dung tại cam kết này.

Trân trọng cảm ơn./.

..., ngày ... tháng ... năm ...

Người đại diện hợp pháp

(Ký, ghi rõ, họ tên, chức vụ và đóng dấu)



Phụ lục VIII
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP
TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 54/2025/TT-NHNN ngày 26 tháng 12 năm 2025
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Tên tổ chức tài chính vi mô

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):
- Mã định danh của tổ chức (nếu có):
- Trụ sở chính tại:
- Địa chỉ thư điện tử:

Đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét:

- Cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tài chính vi mô với các nội dung hoạt động sau đây:

(Liệt kê các hoạt động mà tổ chức tài chính vi mô đề nghị ghi nhận trong Giấy phép cấp đổi, bao gồm các nội dung hoạt động đã được ghi trong Giấy phép hiện hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung Giấy phép có liên quan. Các nội dung hoạt động đề nghị phải phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam).

- Bổ sung nội dung hoạt động đồng thời cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tài chính vi mô với các nội dung hoạt động sau đây:

(Liệt kê các hoạt động mà tổ chức tài chính vi mô đề nghị ghi nhận trong Giấy phép cấp đổi, bao gồm: (i) các nội dung hoạt động đã được ghi trong Giấy phép hiện hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung Giấy phép có liên quan. Các nội dung hoạt động đề nghị phải phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; (ii) các nội dung hoạt động đề nghị bổ sung. Các nội dung hoạt động đề nghị bổ sung phải phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam).

2. Lý do và sự cần thiết cấp đổi Giấy phép/bổ sung nội dung hoạt động đồng thời cấp đổi Giấy phép

.....

.....

.....

.....

Tổ chức tài chính vi mô ... cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

b) Cam kết đảm bảo đáp ứng các điều kiện để thực hiện các nội dung hoạt động theo đề nghị và tiếp tục duy trì việc đáp ứng các điều kiện này theo quy định./.

..., ngày ... tháng ... năm ...

Người đại diện hợp pháp

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu) *[Signature]*

Phụ lục IX

**MẪU GIẤY PHÉP CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VÀ HOẠT ĐỘNG TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 54/2025/TT-NHNN ngày 26 tháng 12 năm 2025
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ... /GP-NHNN

..., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY PHÉP
THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ**

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ ... (các văn bản quy phạm pháp luật được sử dụng làm căn cứ);

Xét đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động của Tổ chức tài chính vi mô ... (tên tổ chức tài chính vi mô) và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của ... (chức vụ của người đứng đầu đơn vị xử lý tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động số ... ngày ... cho Tổ chức tài chính vi mô ... (tên tổ chức tài chính vi mô) như sau:

1. Tên Tổ chức tài chính vi mô:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:

- Tên viết tắt:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Mã định danh của tổ chức (nếu có):

2. Vốn điều lệ:

3. Nội dung, phạm vi hoạt động:

(Liệt kê các nội dung hoạt động được chấp thuận theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam).

4. Thời hạn hoạt động của Tổ chức tài chính vi mô ... (tên Tổ chức tài chính vi mô) là ... năm (là thời hạn hoạt động được quy định tại Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp trước đây) kể từ ngày ... (là ngày hiệu lực của Giấy phép được Ngân hàng Nhà nước cấp trước đây).

5. Địa bàn hoạt động:

Điều 2. Trong quá trình hoạt động, tổ chức tài chính vi mô ... (tên Tổ chức tài chính vi mô) phải tuân thủ pháp luật Việt Nam.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép thành lập và hoạt động số ... ngày ... và các văn bản sửa đổi, bổ sung Giấy phép có liên quan.

Điều 4. Giấy phép cấp đổi cho tổ chức tài chính vi mô ... (tên tổ chức tài chính vi mô) được lập thành 05 (năm) bản chính: 01 (một) bản cấp cho tổ chức tài chính vi mô; 01 (một) bản gửi cơ quan đăng ký kinh doanh; 03 (ba) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm: 01 (một) bản lưu tại Văn phòng Ngân hàng Nhà nước; 01 (một) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ... (nơi tổ chức tài chính vi mô đặt trụ sở chính); 01 (một) bản lưu tại hồ sơ cấp Giấy phép./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- UBND tỉnh/thành phố ...;
- Bộ Công an;
- Lưu VP, NHNN.

THÔNG ĐỐC



Phụ lục X
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP BẢN SAO GIẤY PHÉP TỪ SỔ GỐC
(Ban hành kèm theo Thông tư số 54/2025/TT-NHNN ngày 26 tháng 12 năm 2025
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP BẢN SAO GIẤY PHÉP TỪ SỔ GỐC

Kính gửi: Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng

1. Tên tổ chức tài chính vi mô

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):
- Mã định danh của tổ chức (nếu có):
- Tên giao dịch (nếu có):
- Trụ sở chính tại:
- Địa chỉ thư điện tử:

Đề nghị Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng xem xét cấp bản sao từ sổ gốc đối với Giấy phép thành lập và hoạt động số ... của Tổ chức tài chính vi mô ... được cấp ngày ...

2. Lý do đề nghị

.....
.....
.....
.....

Tổ chức tài chính vi mô ... cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về sự trung thực và sự chính xác của Đơn đề nghị./.

..., ngày ... tháng ... năm ...

Người đại diện hợp pháp

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu) 



Phụ lục XI
MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN
DANH SÁCH DỰ KIẾN NHÂN SỰ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 54/2025/TT-NHNN ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN DANH SÁCH NHÂN SỰ DỰ KIẾN
BẦU, BỔ NHIỆM LÀM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN,
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC)

Kính gửi: Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng

Tổ chức tài chính vi mô đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng) xem xét, chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) nhiệm kỳ ... như sau:

1. Tên Tổ chức tài chính vi mô

- | | |
|---------------------------------------|------------------------|
| - Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: | Tên viết tắt: |
| - Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có): | Tên viết tắt (nếu có): |
| - Mã định danh của tổ chức (nếu có): | |
| - Trụ sở chính tại: | |
| - Địa chỉ thư điện tử: | |

2. Danh sách nhân sự đề nghị chấp thuận

2.1. Thành viên Hội đồng thành viên

- Nhân sự thứ nhất:
 - + Họ và tên:
 - + Chức danh hiện tại (nếu có):
 - + Chức danh dự kiến bầu:
- Nhân sự thứ hai, thứ ba, ...: Khai tương tự như nhân sự thứ nhất.

(Ghi rõ trong các nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng thành viên, dự kiến nhân sự bầu làm Chủ tịch Hội đồng thành viên)

2.2. Thành viên Ban kiểm soát

- Nhân sự thứ nhất:
 - + Họ và tên:
 - + Chức danh hiện tại (nếu có):

+ Chức danh dự kiến bầu:

- Nhân sự thứ hai, thứ ba, ...: Khai tương tự như nhân sự thứ nhất.

(Ghi rõ trong các nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Ban kiểm soát, dự kiến nhân sự bầu làm Trưởng Ban kiểm soát)

2.3. Tổng Giám đốc (Giám đốc)

- Họ và tên:

- Chức danh hiện tại (nếu có):

3. Cơ cấu Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát

a) Cơ cấu Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát hiện tại:

- Số lượng thành viên Hội đồng thành viên:

- Số lượng thành viên Ban kiểm soát:

b) Cơ cấu Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát dự kiến sau khi bầu, bổ nhiệm:

- Số lượng thành viên Hội đồng thành viên:

- Số lượng thành viên Ban kiểm soát:

4. Đánh giá việc tuân thủ tiêu chuẩn, điều kiện đối với nhân sự dự kiến theo quy định tại Điều 15, Điều 16, Điều 17 Thông tư này

4.1. Thành viên Hội đồng thành viên

a) Nhân sự thứ nhất:

☐ Đáp ứng đầy đủ

☐ Không đáp ứng đầy đủ

Trường hợp không đáp ứng đầy đủ, nêu rõ các tiêu chuẩn, điều kiện không đáp ứng.

b) Nhân sự thứ hai, thứ ba, ...:

☐ Đáp ứng đầy đủ

☐ Không đáp ứng đầy đủ

Trường hợp không đáp ứng đầy đủ, nêu rõ các tiêu chuẩn, điều kiện không đáp ứng.

4.2. Thành viên Ban kiểm soát

a) Nhân sự thứ nhất:

☐ Đáp ứng đầy đủ

☐ Không đáp ứng đầy đủ

Trường hợp không đáp ứng đầy đủ, nêu rõ các tiêu chuẩn, điều kiện không đáp ứng.

b) Nhân sự thứ hai, thứ ba, ...:

☐ Đáp ứng đầy đủ

☐ Không đáp ứng đầy đủ

Trường hợp không đáp ứng đầy đủ, nêu rõ các tiêu chuẩn, điều kiện không

đáp ứng.

4.3. Tổng giám đốc (Giám đốc)

☐ Đáp ứng đầy đủ

☐ Không đáp ứng đầy đủ

Trường hợp không đáp ứng đầy đủ, nêu rõ các tiêu chuẩn, điều kiện không đáp ứng.

5. Lý do của việc bầu, bổ nhiệm nhân sự

.....

Tổ chức tài chính vi mô ... cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của Văn bản đề nghị và hồ sơ kèm theo.

b) Cam kết nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Thông tư số này, các quy định của pháp luật có liên quan và quy định tại Điều lệ của Tổ chức tài chính vi mô....trong suốt thời gian đảm nhiệm chức vụ.

c) Sau khi được chấp thuận, sẽ thực hiện đầy đủ và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật có liên quan, nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

..., ngày ... tháng ... năm ...

Người đại diện hợp pháp

(Ký, ghi rõ, họ tên, chức vụ và đóng dấu) 

Phụ lục XII

MẪU VĂN BẢN ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CHUẨN MỰC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP ĐỐI VỚI NHÂN SỰ THUỘC QUẢN LÝ TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI
(Ban hành kèm theo Thông tư số 54/2025/TT-NHNN ngày 26 tháng 1 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

**TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG,
CHI NHÁNH NGÂN HÀNG
NƯỚC NGOÀI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**VĂN BẢN ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CHUẨN MỰC ĐẠO ĐỨC
NGHỀ NGHIỆP ĐỐI VỚI NHÂN SỰ THUỘC QUẢN LÝ CỦA
TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi:

- Ông/Bà (Họ và tên nhân sự dự kiến đề nghị) ...
- Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng

Căn cứ ...;

Theo đề nghị của Ông/Bà ... (nhân sự dự kiến);

Căn cứ quy định về quy tắc, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp do (tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) ... ban hành, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ... cung cấp thông tin về việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong quá trình công tác tại ... (tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) như sau:

I. Thông tin về nhân sự

1. Nhân sự thứ nhất:

a) Họ và tên (nhân sự dự kiến):

b) Ngày, tháng, năm sinh:

c) Số định danh:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

d) Thời gian công tác: từ ngày/tháng/năm đến ngày/tháng/năm.

đ) Vị trí công tác, nhiệm vụ được giao: thời gian từ tháng/năm đến tháng/năm.

2. Nhân sự thứ hai: Khai tương tự nhân sự thứ nhất

...

II. Thông tin về việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp

1. Nhân sự thứ nhất:

- a) Thông tin chi tiết theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Thông tư này;
- b) Căn cứ quy định nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ..., đánh giá việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của nhân sự được nêu tại Phần I văn bản này như sau:

Đánh giá về việc đáp ứng “đạo đức nghề nghiệp”:

☐ Đáp ứng

☐ Không đáp ứng

Trường hợp không đáp ứng, nêu lý do.

2. Nhân sự thứ hai: Khai trương tự nhân sự thứ nhất

...

III. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ... cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin cung cấp tại văn bản này./.

..., ngày...tháng...năm....

Người đại diện hợp pháp

(Ký, ghi rõ, họ tên, chức vụ và đóng dấu) 

Phụ lục XIII

**MẪU VĂN BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN PHỤC VỤ ĐÁNH GIÁ
TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN CỦA NHÂN SỰ DỰ KIẾN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 54/2025/TT-NHNN ngày 26 tháng 12 năm 2025
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
CHI NHÁNH KHU VỰC ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

V/v cung cấp thông tin phục
vụ đánh giá tiêu chuẩn, điều
kiện của nhân sự dự kiến ...

Kính gửi: Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng

Liên quan đến Văn bản số ... ngày ... của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng về việc ..., Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ... cung cấp thông tin qua công tác thanh tra, giám sát như sau:

I. Thông tin có liên quan đến việc chấp hành các quy định pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện đối với nhân sự dự kiến

1. Nhân sự dự kiến thứ nhất

1.1. Thông tin chi tiết theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Thông tư này, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung như sau:

- Trách nhiệm (nếu có) của nhân sự dự kiến dẫn đến tổ chức tín dụng/chi nhánh tổ chức tín dụng bị xử phạt vi phạm hành chính *(nêu rõ nếu xử phạt ở khung phạt tiền cao nhất)*:

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với nhân sự dự kiến (nếu có):

1.2. Thông tin khác về việc tuân thủ quy định pháp luật liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện đối với nhân sự dự kiến (nếu có), trong đó bao gồm quy định tại điểm g khoản 1 Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng.

(Trường hợp phát sinh xử phạt vi phạm hành chính, cung cấp các quyết định xử phạt vi phạm hành chính, biên bản xử phạt và các tài liệu liên quan).

2. Nhân sự dự kiến thứ hai

.....

II. Thông tin cụ thể theo đề nghị của đơn vị đầu mối (nếu có)

III. Ý kiến đánh giá về việc tuân thủ tiêu chuẩn, điều kiện đối với nhân sự dự kiến

1. Tên nhân sự thứ nhất: Tuân thủ/Không tuân thủ tiêu chuẩn, điều kiện đối với nhân sự dự kiến trên cơ sở thông tin đã cung cấp tại Phần I Văn bản này.

Trường hợp không tuân thủ, nêu rõ lý do.

2. Tên nhân sự thứ hai: Tuân thủ/không tuân thủ tiêu chuẩn, điều kiện đối với nhân sự dự kiến trên cơ sở thông tin đã cung cấp tại Phần I Văn bản này.

Trường hợp không tuân thủ, nêu rõ lý do.

.....

Trên đây là thông tin, ý kiến đánh giá của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ... đối với nhân sự dự kiến ... gửi Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng để tổng hợp, báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu) 

Phụ lục XIV
MẪU VĂN BẢN CHẤP THUẬN DANH SÁCH DỰ KIẾN NHÂN SỰ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 54 /2025/TT-NHNN ngày 26 tháng 12 năm 2025
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM
CỤC QUẢN LÝ, GIÁM SÁT
TỔ CHỨC TÍN DỤNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

V/v chấp thuận nhân sự dự kiến
bầu/bổ nhiệm ... của Tổ chức tài
chính vi mô ...

Kính gửi: Tổ chức tài chính vi mô ...

Căn cứ ... (các văn bản quy phạm pháp luật được sử dụng làm căn cứ);

Căn cứ văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... (tên tổ chức tài chính
vi mô) đề nghị chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến ...;

Căn cứ hồ sơ, tài liệu kèm theo văn bản nêu trên.

Sau khi xem xét hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến đề bầu/bổ nhiệm ... nhiệm kỳ ...
của Tổ chức tài chính vi mô ... như sau:

a) Thành viên Hội đồng thành viên:

- Ông/Bà ... - Chức danh dự kiến: ...

- Ông/Bà ... - Chức danh dự kiến: ...

- ...

b) Thành viên Ban kiểm soát:

- Ông/Bà ... - Chức danh dự kiến: ...

- Ông/Bà ... - Chức danh dự kiến: ...

- ...

c) Tổng Giám đốc (Giám đốc):

- Ông/Bà ... - Chức danh dự kiến: ...

2. Tổ chức tài chính vi mô ... có trách nhiệm:

- Thực hiện việc bầu, bổ nhiệm đúng danh sách nhân sự đã được Ngân hàng
Nhà nước Việt Nam chấp thuận nêu tại điểm 1 theo đúng quy định của pháp luật;

- Thông báo cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ
chức tín dụng) kết quả bầu, bổ nhiệm các chức danh ... nhiệm kỳ ... theo quy định

tại khoản 1 Điều 29 Thông tư này;

- Các nhân sự dự kiến bầu/bổ nhiệm chức danh ... (nêu rõ từng vị trí) của Tổ chức tài chính vi mô ... phải tuân thủ các quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và quy định pháp luật khác có liên quan trong suốt thời gian đảm nhiệm chức vụ;

- Các trách nhiệm khác (nếu phát sinh trong quá trình thực hiện).

3. Văn bản này có hiệu lực trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày ký. Quá thời hạn trên mà Tổ chức tài chính vi mô ... không hoàn thành việc bổ nhiệm ... nhiệm kỳ ... đối với các nhân sự có tên nêu tại điểm 1 trên, văn bản chấp thuận này không còn giá trị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu) 



**MẪU VĂN BẢN THÔNG BÁO DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI ĐƯỢC
BẦU, BỔ NHIỆM LÀM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN,
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC)**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 54 /2025 /TT-NHNN ngày 26 tháng 12 năm 2025
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

**Danh sách những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng
thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc)**

Kính gửi: Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng

Trên cơ sở danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành
viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc)
đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận tại văn bản số ... ngày..., tổ
chức tài chính vi mô ... (tên tổ chức) ... xin thông báo như sau:

1. Hội đồng thành viên (nhiệm kỳ ...)

STT	Họ và tên	Chức danh được bầu, bổ nhiệm ⁽¹⁾	Nghị quyết/ Quyết định bầu, bổ nhiệm nhân sự ⁽³⁾	Thông tin người đại diện theo pháp luật ⁽⁴⁾

2. Ban kiểm soát (nhiệm kỳ ...)

a) Kết quả bầu, bổ nhiệm nhân sự:

STT	Họ và tên	Chức danh được bầu, bổ nhiệm ⁽²⁾	Nghị quyết/Quyết định bầu, bổ nhiệm nhân sự ⁽³⁾

b) Cơ cấu Ban kiểm soát theo quy định.

3. Tổng Giám đốc (Giám đốc):

STT	Họ và tên	Quyết định bổ nhiệm ⁽³⁾	Thông tin người đại diện theo pháp luật ⁽⁴⁾

..., ngày ... tháng ... năm ...

Người đại diện hợp pháp
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

1. Nêu rõ chức danh Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên.
2. Nêu rõ chức danh Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát.
3. Nêu rõ loại văn bản, số, ngày ban hành, ngày hiệu lực của văn bản kèm bản sao của văn bản đó.
4. Nêu rõ thông tin người đại diện theo pháp luật: Họ và tên; giới tính; chức danh; ngày, tháng, năm sinh; dân tộc; quốc tịch; loại giấy tờ pháp lý của cá nhân; số giấy tờ pháp lý của cá nhân; ngày cấp; nơi cấp, địa chỉ thường trú, địa chỉ liên lạc.

Ngoài những nội dung tối thiểu nêu trên, tổ chức tài chính vi mô có thể bổ sung các nội dung khác nếu cần thiết.